

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 129/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục tuyển chọn và chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc tuyển chọn

Tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phải thực hiện đúng pháp luật; bảo đảm công khai, dân chủ, công bằng và chặt chẽ; chỉ tuyển chọn những công dân có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan, đúng chỉ tiêu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Chương II
TUYỂN CHỌN VÀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI
CÔNG DÂN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 4. Đối tượng tuyển chọn và thời gian phục vụ

1. Công dân nam trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự. Công dân nữ trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự, có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Công an nhân dân, nếu tự nguyện và Công an nhân dân có nhu cầu thì được xem xét, tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

2. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể độ tuổi tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng đơn vị sử dụng và quy định ngành nghề cần thiết để tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phù hợp với nhu cầu sử dụng trong từng thời kỳ.

3. Thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân là ba năm. Thời gian thực hiện nghĩa vụ được tính từ ngày giao nhận công dân; trong trường hợp không giao nhận tập trung thì tính từ ngày đơn vị Công an nhân dân tiếp nhận đến khi được cấp có thẩm quyền quyết định xuất ngũ. Thời gian đào ngũ, thời gian chấp hành hình phạt tù không được tính vào thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Điều 5. Tiêu chuẩn tuyển chọn

Công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân khi có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có lý lịch rõ ràng.

2. Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không có tiền án, tiền sự, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, quản chế, không trong thời gian bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục bắt buộc; có phẩm chất, đạo đức tư cách tốt, được quần chúng nhân dân nơi cư trú hoặc nơi học tập, công tác tín nhiệm.

3. Bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

4. Tốt nghiệp trung học phổ thông. Các xã miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tuyển công dân tốt nghiệp trung học cơ sở. Ưu tiên tuyển chọn công dân đã tốt nghiệp cao đẳng, đại học trở lên, có chuyên môn cần thiết cho công tác, chiến đấu của Công an nhân dân.

5. Thể hình cân đối, không dị hình, dị dạng và đáp ứng các tiêu chuẩn sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 6. Hồ sơ tuyển chọn

Công dân tham dự tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân nộp cho Công an cấp huyện nơi công dân có hộ khẩu thường trú các giấy tờ sau:

1. Bản lý lịch theo mẫu quy định của Bộ Công an có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó đang công tác, học tập.

2. Bản sao: Giấy khai sinh, các văn bằng, chứng chỉ về trình độ học vấn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).

3. Giấy chứng nhận đoàn viên, đảng viên (nếu là đoàn viên, đảng viên).

4. Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Điều 7. Trình tự tuyển chọn

1. Trên cơ sở chỉ tiêu tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được phân bổ trên địa bàn, Trưởng Công an cấp huyện tiến hành tuyển chọn và gọi công dân thực hiện nghĩa vụ theo trình tự như sau:

a) Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở làm việc của Công an cấp huyện về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng cần tuyển, thời hạn và địa điểm tiếp nhận hồ sơ của công dân đăng ký tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ của công dân đăng ký dự tuyển ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày thông báo;

b) Tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ dự tuyển;

c) Tổ chức thẩm tra, xác minh lý lịch đối tượng dự tuyển theo quy định của Bộ Công an;

d) Ra lệnh gọi khám sức khỏe cho công dân theo quy định tại Khoản 2 Điều 40 Luật Nghĩa vụ quân sự. Lệnh gọi khám sức khỏe phải được giao cho công dân trước thời điểm khám sức khỏe mười lăm ngày;

đ) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định danh sách công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo phân công của Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp huyện;

e) Căn cứ danh sách được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện duyệt, Trưởng Công an cấp huyện ra lệnh gọi từng công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

2. Việc phối hợp giữa các đơn vị thuộc Công an nhân dân trong tuyển chọn, gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Điều 8. Phong, thăng, giáng cấp bậc hàm

1. Công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được phong, thăng cấp bậc hàm Binh nhì, Binh nhất, Hạ sĩ, Trung sĩ, Thượng sĩ.

2. Thời hạn xét thăng cấp bậc hàm đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân quy định như sau:

| | |
|-------------------------|-----------|
| Binh nhì lên Binh nhất: | 06 tháng; |
| Binh nhất lên Hạ sĩ: | 06 tháng; |
| Hạ sĩ lên Trung sĩ: | 01 năm; |
| Trung sĩ lên Thượng sĩ: | 01 năm. |

Thời gian hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ học tập tại trường được tính vào thời hạn xét thăng cấp bậc hàm; đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ bị giáng cấp bậc hàm, sau một năm kể từ ngày bị giáng cấp bậc hàm, nếu tiến bộ được xét thăng cấp bậc hàm.

3. Thẩm quyền phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

Người có thẩm quyền phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm đối hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ, căn cứ thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều này và quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 21 Luật Công an nhân dân để quyết định phong, thăng cấp bậc hàm đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; mỗi lần chỉ được thăng, giáng một cấp bậc hàm, trường hợp lập thành tích đặc biệt

xuất sắc trong chiến đấu mới xét thăng nhiều cấp bậc hàm. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của ngành Công an thì có thể bị giáng nhiều cấp bậc hàm.

Điều 9. Chuyển sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp

1. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ có từ đủ 24 tháng đến dưới 36 tháng phục vụ tại ngũ, đạt danh hiệu chiến sĩ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp trong Công an nhân dân thì được xét, dự thi vào các học viện, trường Công an nhân dân theo quy định về tuyển sinh của Bộ Công an, tốt nghiệp ra trường được phong cấp bậc hàm sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp.

2. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, hết thời hạn phục vụ tại ngũ có đủ tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu sử dụng của Công an nhân dân, nếu tự nguyện và Công an nhân dân có nhu cầu thì được xét chuyển sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp. Đối tượng, tiêu chuẩn và tỷ lệ chuyển sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp đối với hạ sĩ quan nghĩa vụ hết hạn phục vụ tại ngũ do Bộ trưởng Bộ Công an quy định. Việc xét tuyển phải đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch và công bằng với mọi đối tượng.

Điều 10. Chế độ, chính sách trong thời gian phục vụ và khi xuất ngũ

1. Trong thời gian phục vụ tại ngũ, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được hưởng các chế độ, chính sách quy định đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ trong lực lượng vũ trang; khi hết thời hạn phục vụ được trợ cấp học nghề hoặc trợ cấp tạo việc làm và được ưu tiên thi tuyển vào các trường Công an nhân dân, được hưởng chế độ, chính sách khác theo quy định của Chính phủ.

2. Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ văn bản của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Điều 50 Luật Nghĩa vụ quân sự về chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ và khi xuất ngũ để hướng dẫn thực hiện trong Công an nhân dân.

Điều 11. Xuất ngũ

1. Hạ sĩ quan, chiến sĩ đã hết thời hạn phục vụ tại ngũ quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định này thì được xuất ngũ. Trong trường hợp không đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ, hạ sĩ quan, chiến sĩ có thể được giải quyết xuất ngũ trước thời hạn. Điều kiện và thủ tục xuất ngũ trước thời hạn do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

2. Hạ sĩ quan, chiến sĩ hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân khi về nơi cư trú, nơi làm việc hoặc học tập trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, phải đến cơ quan đăng ký nghĩa vụ quân sự để đăng ký vào ngạch dự bị.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ XỬ LÝ
VI PHẠM TRONG TUYỂN CHỌN, GỌI CÔNG DÂN THỰC HIỆN
NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tuyển chọn, gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

1. Trách nhiệm của Bộ Công an

a) Căn cứ nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và nhu cầu sử dụng, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định số lượng gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân hằng năm. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ phân bổ số lượng gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cho đơn vị thuộc quyền ở từng địa phương cấp tỉnh.

b) Chỉ đạo Công an các cấp phối hợp chặt chẽ với cơ quan quân sự địa phương, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong công tác tuyển chọn, gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Chỉ đạo cơ quan quân sự địa phương, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã phối hợp chặt chẽ với cơ quan Công an cùng cấp trong công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm trong tuyển chọn, gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo quy định tại Điều 35 Luật Nghĩa vụ quân sự.

4. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận công dân thực hiện nghĩa vụ

Đơn vị tiếp nhận công dân thực hiện nghĩa vụ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc tuyển chọn, gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

5. Trách nhiệm của công dân được gọi thực hiện nghĩa vụ

a) Có mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong lệnh gọi. Nếu có lý do chính đáng mà không thể đến đúng thời gian, địa điểm thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc và báo cáo Trưởng Công an cấp huyện.

b) Trong thời gian phục vụ tại ngũ phải thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định tại Điều 30 Luật Công an nhân dân.

Điều 13. Xử lý vi phạm

1. Công dân không có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong lệnh gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân mà không có lý do chính đáng, đào ngũ khi đang thực hiện nghĩa vụ thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật theo Điều lệnh Công an nhân dân; xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi trốn tránh, chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hành vi xâm hại đến lợi ích của tổ chức, cá nhân do cán bộ, cơ quan Công an thực hiện trong quá trình tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2016.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 12/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định về công dân phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân và Nghị định số 57/2009/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 8 của Nghị định số 12/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về công dân phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân.

Thủ tục tuyển chọn, chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 12/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định về công dân phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân và Nghị định số 57/2009/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 8 của Nghị định số 12/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về công dân phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân cho đến thời điểm Luật Nghĩa vụ quân sự và văn bản của Chính phủ quy định chi tiết thi hành về chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ có hiệu lực thi hành.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

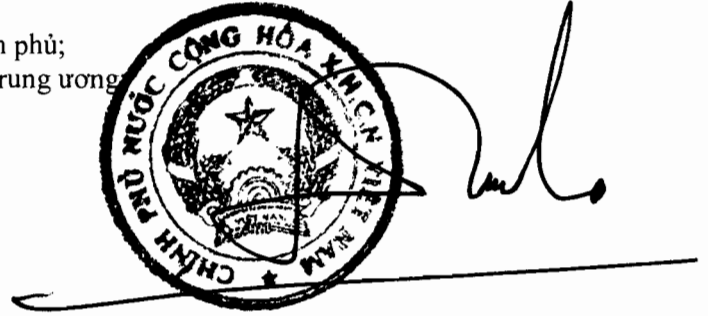
1. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Quốc phòng - An ninh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (3b). xh **625**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng